

DANH SÁCH KẾT QUẢ CỦA THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỈNH HƯNG YÊN NĂM HỌC 2025-2026
Vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học hạng III
(Kèm theo Thông báo số 63/TB-HĐTDVC ngày 15/8/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sự phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	TH001	Đào Hoài An	22/4/2001	SP	42,5	42,5			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Giỏi
2	TH002	Nguyễn Thị Thúy An	26/6/1991	Khac	61,7	61,7			Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngngu	Giỏi
3	TH003	Bùi Thị Phương Anh	08/6/1997	Khac	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngngu	Khá
4	TH004	Bùi Thị Vân Anh	22/01/1996	SP	41,7	41,7			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Giỏi
5	TH005	Chu Thị Hải Anh	29/06/2000	SP	85	85			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa		Khá
6	TH006	Đặng Lan Anh	29/06/2001	Khac	63,3	63,3			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngngu	Khá
7	TH007	Đặng Thị Mai Anh	16/3/1997	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	TB
8	TH008	Đỗ Hải Anh	24/7/2003	SP	88,3	88,3			Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Mỹ Sở-TH-Vhoa	Giỏi
9	TH009	Đỗ Thị Anh	27/01/2001	SP	88,3	88,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
10	TH010	Đỗ Tú Anh	12/09/2003	SP	70	70			Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Giỏi
11	TH011	Dương Phùng Hồng Anh	11/02/2003	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Khá
12	TH012	Dương Thị Hoàng Anh	15/6/2003	SP	65	60	5	Sán riu	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Khá
13	TH013	Hoàng Ngọc Anh	08/01/2001	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Giỏi
14	TH014	Hoàng Thị Vân Anh	01/01/2003	SP	90	90			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
15	TH015	Kiều Thị Vân Anh	21/8/2000	SP	72,5	72,5			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
16	TH016	Lê Lan Anh	31/01/2001	SP	85	85			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa		Giỏi
17	TH017	Lê Ngọc Anh	10/12/1996	Khac	54,2	54,2			Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Ngngu	Khá
18	TH018	Lê Phương Anh	27/6/2003	SP	50	50			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
19	TH019	Lê Quỳnh Anh	15/02/2002	SP	47,5	47,5			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Vhoa	Khá
20	TH020	Lê Thị Hải Anh	26/10/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
21	TH021	Lê Thị Lan Anh	07/3/1992	SP	72,5	72,5			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Giỏi
22	TH022	Lê Tuấn Anh	13/7/2000	Khac	50	50			Trường Tiểu học Dị Sử-TH-GDTC	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-GDTC	Khá
23	TH023	Lê Văn Anh	19/11/1993	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngngu	Giỏi
24	TH024	Mai Thị Vân Anh	14/7/1984	Khac	57,5	57,5			Trường Tiểu học Hoàng Lê-TH-THCN	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	TB Khá
25	TH025	Ngô Thị Kim Anh	27/12/1992	SP	72,5	72,5			Trường Tiểu học Dị Chế-TH-GDTC	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-GDTC	Khá
26	TH026	Ngô Thị Phương Anh	26/9/2000	Khac	45,8	45,8			Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu		Khá
27	TH027	Nguyễn Diệp Anh	25/3/1999	SP	40,8	40,8			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Vhoa	Khá
28	TH028	Nguyễn Hải Anh	13/6/1998	SP	40,8	40,8			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	TB
29	TH029	Nguyễn Hoàng Anh	28/8/1996	Khac	75	75			Trường Tiểu học Tống Phan-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu	Khá
30	TH030	Nguyễn Hoàng Thu Anh	22/9/1995	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Thị trấn Khoái Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Vhoa	Giỏi
31	TH031	Nguyễn Mai Anh	15/6/2003	SP	76,7	76,7			Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Vhoa	Giỏi
32	TH032	Nguyễn Minh Anh	30/6/2001	SP	69,2	69,2			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	X.sắc
33	TH033	Nguyễn Mỹ Anh	28/10/1997	SP	59,2	59,2			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
34	TH034	Nguyễn Ngọc Anh	29/08/2002	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Vhoa	Giỏi
35	TH035	Nguyễn Nhật Anh	5/2/2000	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Khá
36	TH036	Nguyễn Thị Anh	08/10/1990	SP	56,7	56,7			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Giỏi
37	TH037	Nguyễn Thị Lan Anh	24/04/2002	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-GDTC	Giỏi
38	TH038	Nguyễn Thị Mai Anh	15/10/2000	SP	43,3	43,3			Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Vhoa		Khá
39	TH039	Nguyễn Thị Phương Anh	17/09/1998	SP	59,2	59,2			Trường Tiểu học Tân Thắng-Vhoa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Vhoa	Giỏi
40	TH040	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	08/02/1997	SP	53,3	53,3			Trường TH và THCS Nhuế Dương-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Khá
41	TH041	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	13/02/2000	SP	63,3	63,3			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Khá
42	TH042	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	26/11/2002	SP	55	55			Trường TH và THCS Thuận Hưng-TH-Ngngu		Khá
43	TH043	Nguyễn Thị Vân Anh	19/01/1999	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Vhoa	Giỏi
44	TH044	Phạm Thị Ngọc Anh	23/12/1999	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Chính Nghĩa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Vhoa	Giỏi
45	TH045	Phan Quỳnh Anh	28/01/2000	Khac	53,3	53,3			Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-THCN	Trường TH và THCS Cửu Cao-TH-THCN	Khá
46	TH046	Phùng Thị Mai Anh	23/02/2002	SP	87,5	87,5			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Giỏi
47	TH047	Quách Phương Anh	17/8/2001	SP	76,7	76,7			Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Vhoa		Giỏi
48	TH048	Tạ Thị Vân Anh	01/5/1983	SP	55	55			Trường TH và THCS Quang Trung-TH-GDTC	Trường Tiểu học Hoàng Lê-TH-GDTC	Giỏi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
49	TH049	Trần Phương Anh	14/11/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Vhoa	X.sắc
50	TH050	Trần Thị Lan Anh	24/6/2003	SP	73,3	73,3			Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Giỏi
51	TH051	Trần Văn Anh	04/11/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Vhoa	Khá
52	TH052	Vũ Ngọc Hoàng Anh	10/8/1999	Khac	68,3	68,3			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Khá
53	TH053	Vũ Thị Phương Anh	22/08/2002	SP	44,2	44,2			Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Khá
54	TH054	Đặng Thị Ngọc Anh	21/11/2003	SP	74,2	74,2			Trường TH và THCS Phú Cường-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Phú Cường-TH-Vhoa	Khá
55	TH055	Đào Ngọc Anh	28/11/2000	SP	82,5	82,5			Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Giỏi
56	TH056	Đỗ Ngọc Ánh	25/5/2002	SP	70,8	70,8			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
57	TH057	Đỗ Thị Ánh	20/05/1983	SP	50,8	50,8			Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-TH-Vhoa		Giỏi
58	TH058	Đỗ Thị Ngọc Ánh	02/06/2001	SP	82,5	82,5			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Vhoa	Giỏi
59	TH059	Nguyễn Ngọc Ánh	27/11/2003	SP	93,3	93,3			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Giỏi
60	TH061	Trần Thị Ngọc Ánh	20/9/2003	SP	68,3	68,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Khá
61	TH062	Đỗ Ngọc Bách	02/01/1997	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Quang Trung-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đức Hưng-TH-GDTC	Khá
62	TH063	Nguyễn Thị Ngọc Bích	06/9/2003	SP	79,2	79,2			Trường Tiểu học Tổng Trần-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
63	TH064	Trần Thị Bích	14/7/2002	SP	52,5	52,5			Trường Tiểu học An Viên-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nhất Tân-TH-Vhoa	Giỏi
64	TH065	Lương Thị Thanh Bình	20/4/1998	SP	59,2	59,2			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Khá
65	TH066	Trần Thị Bón	20/7/1987	SP	64,2	64,2			Trường Tiểu học Xuân Trúc-TH-THCN	Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-THCN	Giỏi
66	TH067	Đỗ Hữu Cảnh	06/4/1985	Khac	51,7	51,7			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-THCN	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-THCN	TB Khá
67	TH068	Ngô Thủy Châm	26/11/1998	SP	70,8	70,8			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Giỏi
68	TH069	Nguyễn Thị Anh Châm	28/8/1996	SP	39,2	39,2			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
69	TH070	Trần Kiều Châm	15/12/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
70	TH071	Bùi Minh Châu	06/6/2003	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
71	TH072	Nguyễn Thị Minh Châu	01/12/2003	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Khá
72	TH073	Đỗ Kiều Chi	04/7/2003	SP	50,8	50,8			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Giỏi
73	TH074	Hoàng Thị Linh Chi	19/5/2001	SP	41,7	41,7			Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Ngngu	Khá
74	TH075	Nguyễn Thị Chi	12/02/1985	SP	79,2	79,2			Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Vhoa	Khá
75	TH076	Bùi Đức Chiến	15/02/1983	SP	73,3	73,3			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lệ Xá-TH-Ngngu	TB Khá
76	TH077	Bùi Thị Tuyết Chinh	21/5/1990	SP	71,7	66,7	5	Con bệnh binh	Trường TH và THCS Mỹ Sô-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Khá
77	TH078	Đặng Thị Chinh	02/8/1994	SP	66,7	66,7			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Ngngu	Khá
78	TH079	Lê Thị Chinh	17/03/1998	SP	45	45			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Khá
79	TH080	Phạm Thị Tuyết Chinh	20/10/1997	SP	60	60			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Vhoa		TB
80	TH081	Trần Hữu Chính	07/03/1990	SP	55	50	5	Học viên tốt nghiệp đào tạo Sĩ quan dự bị	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-GDTC	Trường TH và THCS Hùng An-TH-GDTC	Khá
81	TH082	Bùi Thị Thanh Chúc	13/02/2003	SP	50,8	50,8			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
82	TH083	Phạm Thị Chung	26/01/1994	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Giỏi
83	TH084	Đào Thị Chuyên	05/12/1983	SP	52,5	52,5			Trường Tiểu học Di Sử-TH-Nhac	Trường Tiểu học Bản Yên Nhân Số 1-TH-Nhac	Khá
84	TH085	Đức Thị Chuyên	27/4/1990	SP	69,2	69,2			Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bình Minh-TH-Vhoa	Giỏi
85	TH086	Đàm Thị Cúc	15/6/2002	SP	63,3	63,3			Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nhất Tân-TH-Vhoa	Giỏi
86	TH087	Nguyễn Ngọc Cúc	28/12/2002	SP	85,8	85,8			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
87	TH088	Tạ Thị Cúc	13/9/1992	Khac	45	45			Trường Tiểu học Liên Phương-TH-THCN	Trường TH và THCS Phương Chiêu-TH-THCN	Khá
88	TH089	Đoàn Mạnh Đại	30/8/1990	SP	55,8	55,8			Trường TH và THCS Thuận Hưng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Hồng Tiến-TH-GDTC	Giỏi
89	TH090	Hoàng Thị Đào	15/4/1989	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Vhoa	Giỏi
90	TH091	Nguyễn Văn Đạt	25/01/1993	SP	45	45			Trường Tiểu học Hồng Tiến-TH-GDTC	Trường Tiểu học Dân Tiên-TH-GDTC	ung bình - K
91	TH092	Hoàng Lệ Diễm	17/12/1997	Khac	59,2	59,2			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Khá
92	TH093	Lưu Thị Diên	14/10/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Giỏi
93	TH094	Vũ Thị Tùng Diệp	29/8/2002	SP	54,2	54,2			Trường TH và THCS Vũ Xá-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chính Nghĩa-TH-Vhoa	Khá
94	TH095	Nguyễn Thị Diệp	14/11/1989	Khac	42,5	42,5			Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN		Khá
95	TH096	Nguyễn Thị Hồng Diệu	17/5/1992	SP	74,2	74,2			Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Giỏi
96	TH097	Nguyễn Thị Đình	20/10/1985	Khac	82,5	77,5	5	Con thương binh	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN	TB Khá
97	TH098	Nghiêm Thị Định	20/6/2002	SP	78,3	78,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
98	TH099	Lê Thị Dịu	08/9/1985	SP	54,2	54,2			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tổng Trần-TH-Vhoa	Giỏi
99	TH100	Nguyễn Thị Dịu	06/02/1990	SP	70	70			Trường Tiểu học Minh Tiên-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Vhoa	X.sắc

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
100	TH101	Nguyễn Thị Diệu	06/12/2001	Khac	46,7	46,7			Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngngu	Khá
101	TH102	Lương Dược Đức	30/12/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Khá
102	TH103	Cao Thị Dung	13/5/1995	SP	74,2	74,2			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
103	TH105	Hoàng Thị Thùy Dung	14/12/2001	SP	67,5	67,5			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Khá
104	TH106	Lại Thị Dung	12/3/1984	Khac	75	75			Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN	TB Khá
105	TH107	Mai Thị Dung	20/12/1994	SP	60	60			Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Vũ Xá-TH-Vhoa	Giỏi
106	TH108	Nguyễn Thị Dung	15/11/1983	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Vhoa		Giỏi
107	TH109	Nguyễn Thị Kim Dung	16/10/1987	SP	81,7	81,7			Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Giỏi
108	TH110	Nguyễn Thị Kim Dung	11/02/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
109	TH111	Nguyễn Thị Thùy Dung	16/12/2002	SP	78,3	78,3			Trường Tiểu học Tổng Trăn-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
110	TH112	Phan Thị Phương Dung	30/10/2003	SP	87,5	87,5			Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-Vhoa	Giỏi
111	TH113	Lò Trần Thuỳ Dương	06/9/2003	SP	75,8	70,8	5	Dân tộc	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
112	TH114	Nguyễn Thị Thùy Dương	02/06/2003	SP	60	60			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Giỏi
113	TH115	Phạm Thùy Dương	11/5/2001	SP	66,7	66,7			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
114	TH116	Trần Thùy Dương	26/9/2003	SP	76,7	76,7			Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bần Yên Nhân số 1-TH-Vhoa	Giỏi
115	TH117	Vũ Thị Thùy Dương	04/3/2002	SP	55,8	55,8			Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Vhoa		Giỏi
116	TH118	Nguyễn Thị Duyên	29/08/1992	SP	42,5	42,5			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Khá
117	TH119	Nguyễn Thị Duyên	02/9/1996	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
118	TH120	Nguyễn Thị Duyên	15/11/2000	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
119	TH121	Nguyễn Thị Duyên	23/01/1991	SP	71,7	71,7			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Nhac	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Nhac	Khá
120	TH122	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	26/10/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Giỏi
121	TH123	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	16/02/2001	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Vhoa		Giỏi
122	TH124	Phạm Thị Mỹ Duyên	26/9/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Giỏi
123	TH125	Phan Mỹ Duyên	29/8/2003	SP	61,7	61,7			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Giỏi
124	TH126	Phạm Quang Duyệt	14/01/2003	SP	20	20			Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Giỏi
125	TH127	Nguyễn Thị Hồng Gấm	31/01/1979	SP	60,8	55,8	5	Con thương binh	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	TB Khá
126	TH128	Bùi Thị Thu Giang	24/08/2003	SP	70	65	5	Mường	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
127	TH129	Chu Hương Giang	23/7/2001	SP	58,3	58,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Khá
128	TH130	Đỗ Thị Hà Giang	15/6/1998	SP	55	55			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
129	TH131	Lê Thị Giang	20/01/1996	SP	71,7	71,7			Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
130	TH132	Nguyễn Hương Giang	26/10/2001	Khac	61,7	61,7			Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-THCN	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-THCN	Giỏi
131	TH133	Nguyễn Hương Giang	15/4/1997	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	X.sắc
132	TH134	Nguyễn Ngọc Hương Giang	12/3/2003	SP	60	60			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Khá
133	TH135	Nguyễn Quỳnh Giang	18/12/2002	SP	55	55			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
134	TH136	Nguyễn Thị Hương Giang	20/10/2001	SP	66,7	66,7			Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Giỏi
135	TH137	Nguyễn Thị Hương Giang	26/02/2003	SP	88,3	88,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
136	TH138	Bùi Ngọc Hà	25/12/2003	SP	82,5	82,5			Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Vhoa	Giỏi
137	TH139	Cao Thị Hà	22/01/1984	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
138	TH140	Đặng Thu Hà	03/7/1998	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Khá
139	TH141	Đào Thu Hà	27/12/1992	SP	85,8	85,8			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa		Khá
140	TH142	Đinh Thu Hà	04/12/1995	SP	54,2	54,2			Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Vhoa	Giỏi
141	TH143	Đỗ Thu Hà	02/11/2002	SP	63,3	63,3			Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Vhoa	Giỏi
142	TH144	Hoàng Thị Thu Hà	11/7/2001	Khac	50,8	50,8			Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Cẩm Xá-TH-Ngngu	Khá
143	TH145	Lê Minh Hà	12/02/1987	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Chí Tân-TH-Mthuat	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Mthuat	Giỏi
144	TH146	Lê Thị Thu Hà	26/8/1995	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Nhac	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Nhac	Khá
145	TH147	Nguyễn Thanh Hà	24/4/2003	SP	64,2	64,2			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Vhoa	Giỏi
146	TH148	Nguyễn Thị Hà	27/12/1989	SP	74,2	74,2			Trường Tiểu học Tổng Trăn-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Khá
147	TH149	Nguyễn Thị Hà	27/06/1987	SP	58,3	58,3			Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Trưng Hưng-TH-Vhoa	Khá
148	TH150	Nguyễn Thị Hà	04/07/1996	SP	55	55			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	TB
149	TH151	Nguyễn Thị Hà	14/11/2003	SP	94,2	94,2			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Vhoa	Khá
150	TH152	Nguyễn Thị Hằng Hà	28/01/1996	SP	40	40			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Khá
151	TH153	Nguyễn Thị Thu Hà	28/01/2001	SP	59,2	59,2			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngngu	Khá
152	TH154	Nguyễn Thu Hà	19/10/1999	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Giỏi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sự phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
153	TH155	Nguyễn Vĩnh Hà	09/02/2002	SP	55	55			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
154	TH156	Tạ Thị Thu Hà	29/11/1995	SP	50	50			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Giỏi
155	TH157	Trần Thị Thu Hà	02/06/2001	SP	46,7	46,7			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	X.sắc
156	TH158	Trần Thu Hà	24/12/2002	SP	86,7	86,7			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Khá
157	TH159	Trần Thuý Hà	03/9/1989	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngngu	Giỏi
158	TH160	Trịnh Thị Hà	20/9/1983	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
159	TH161	Tạ Bùi Duyên Hải	20/9/2003	SP	62,5	62,5			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
160	TH162	Tào Thị Hải	17/04/1989	SP	57,5	57,5			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Giỏi
161	TH163	Vũ Thị Minh Hải	13/06/2001	SP	54,2	54,2			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
162	TH164	Hoàng Thị Hân	18/04/2003	SP	63,3	63,3			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Giỏi
163	TH165	Bùi Thị Thanh Hằng	27/5/2002	SP	50	50			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Khá
164	TH166	Đỗ Thị Hằng	25/09/1997	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Khá
165	TH167	Hàn Thị Thu Hằng	21/7/2002	SP	62,5	62,5			Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Vhoa	Khá
166	TH168	Hồ Thị Thu Hằng	30/11/1996	Khac	47,5	47,5			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu		Khá
167	TH169	Lê Thị Thu Hằng	23/2/1998	SP	49,2	49,2			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Khá
168	TH170	Nguyễn Minh Hằng	19/12/1997	SP	48,3	48,3			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Khá
169	TH171	Nguyễn Phạm Thanh Hằng	22/7/2003	SP	82,5	82,5			Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Hiệp Cường-TH-Vhoa	Giỏi
170	TH172	Nguyễn Thị Hằng	15/01/1998	SP	66,7	66,7			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
171	TH173	Nguyễn Thị Hằng	22/7/2002	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Khá
172	TH174	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/02/2003	SP	90,8	90,8			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	X.sắc
173	TH175	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/02/1996	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Khá
174	TH176	Nguyễn Thị Thu Hằng	09/02/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bản Yên Nhân số 1-TH-Vhoa	Giỏi
175	TH177	Nguyễn Thu Hằng	23/10/2002	SP	67,5	67,5			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
176	TH178	Phạm Minh Hằng	27/4/2001	SP	52,5	52,5			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Giỏi
177	TH179	Phạm Thị Hằng	09/7/1995	SP	59,2	59,2			Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Vhoa	Giỏi
178	TH180	Phạm Thị Hằng	18/08/2003	SP	85,8	85,8			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
179	TH181	Phạm Thị Minh Hằng	08/10/2003	SP	80	80			Trường Tiểu học Bản Yên Nhân số 1-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-TH-Vhoa	Giỏi
180	TH182	Phạm Thị Vũ Hằng	21/10/1983	SP	87,5	87,5			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Vhoa	Giỏi
181	TH183	Trần Minh Hằng	16/3/1999	SP	40,8	40,8			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Vhoa	Giỏi
182	TH184	Trần Thị Thanh Hằng	12/09/1998	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Khá
183	TH185	Trần Thị Thuý Hằng	05/10/1985	SP	73,3	73,3			Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Vhoa	Giỏi
184	TH186	Bùi Thị Mỹ Hạnh	18/7/1990	Khac	74,2	74,2			Trường Tiểu học Trung nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học Đình Cao-TH-THCN	Giỏi
185	TH187	Đỗ Thị Hạnh	16/09/1992	Khac	61,7	61,7			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Mỹ Sở-TH-Ngngu	Giỏi
186	TH188	Dương Hồng Hạnh	2/7/2003	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
187	TH189	Dương Thị Mai Hạnh	01/04/2003	SP	55,8	50,8	5	Mường	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	TB
188	TH190	Nguyễn Thị Hạnh	22/11/1984	SP	75,8	75,8			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-THCN	TB Khá
189	TH191	Nguyễn Thị Hạnh	17/11/1990	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Thủ Sỹ-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Minh Phương-TH-Ngngu	Khá
190	TH192	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	08/8/2001	SP	76,7	76,7			Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Vhoa	Giỏi
191	TH193	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/12/2003	SP	75	75			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
192	TH194	Nguyễn Thuý Hạnh	7/3/2003	SP	55,8	55,8			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Giỏi
193	TH195	Phạm Thị Hồng Hạnh	21/6/1982	Khac	55,8	55,8			Trường Tiểu học Hoàng Lê-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Khá
194	TH196	Trương Thị Hồng Hạnh	25/09/1988	SP	41,7	41,7			Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Vhoa	Khá
195	TH197	Phạm Trọng Hào	07/10/2000	Khac	51,7	51,7			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-GDTC	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-GDTC	Giỏi
196	TH198	Hà Thị Hồng Hào	10/11/2002	SP	50	50			Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Vhoa	Giỏi
197	TH199	Nguyễn Thu Hào	17/8/2001	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Phù Ủng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-Vhoa	Giỏi
198	TH200	Tô Thị Thu Hào	20/8/1988	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Thị trấn Việt-TH-THCN	Trường Tiểu học Thị trấn Khoái Châu-TH-THCN	Giỏi
199	TH201	Bùi Thị Hậu	30/8/1997	SP	52,5	52,5			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
200	TH202	Nguyễn Thị Hiềm	20/9/1991	SP	59,2	59,2			Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN	Khá
201	TH203	Nguyễn Thị Hiên	01/10/2003	SP	86,7	86,7			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
202	TH204	Vũ Thị Hiên	01/12/1992	Khac	74,2	74,2			Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-THCN	Khá
203	TH205	Đào Thị Hiên	24/8/1989	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Vhoa	Khá
204	TH206	Đỗ Thị Hiên	08/12/2001	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Văn Du-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đào Dương-TH-Vhoa	Khá
205	TH207	Đỗ Thu Hiên	10/12/2003	SP	68,3	68,3			Trường TH và THCS Song Mai-TH-Vhoa		Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
206	TH208	Hà Thị Thu Hiền	05/12/2002	SP	70	70			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
207	TH209	Hoàng Thị Thanh Hiền	03/9/2001	SP	70,8	70,8			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
208	TH210	Lê Thị Hiền	22/5/1989	SP	64,2	64,2			Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-THCN	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-THCN	Giỏi
209	TH211	Lê Thị Thủy Hiền	25/06/2003	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Vhoa	X.sắc
210	TH212	Lương Thị Hiền	29/08/1986	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Song Mai-TH-Vhoa	Khá
211	TH213	Ngô Thị Hiền	01/8/2000	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Giỏi
212	TH214	Nguyễn Thanh Hiền	20/4/2000	SP	42,5	42,5			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	TB
213	TH215	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/6/2002	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
214	TH216	Nguyễn Thuý Hiền	18/11/2003	SP	68,3	68,3			Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Vhoa	Khá
215	TH217	Phan Thị Minh Hiền	14/12/2002	SP	80,8	75,8	5	Con thương binh loại A - hạng I	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Giỏi
216	TH218	Trần Thị Thu Hiền	15/02/2002	SP	39,2	39,2			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Khá
217	TH219	Vũ Tuấn Hiệp	26/12/1988	SP	50	50			Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngngu	Khá
218	TH220	Phạm Minh Hiếu	06/9/2002	SP	50	50			Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-GDTC		Khá
219	TH221	Vũ Khắc Hiếu	29/7/2002	SP	50	50			Trường Tiểu học An Vi-TH-GDTC	Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-GDTC	Khá
220	TH222	Đào Thị Linh Hoa	05/8/1992	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-THCN	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-THCN	Khá
221	TH223	Đoàn Thị Vân Hoa	15/12/2001	SP	57,5	57,5			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Khá
222	TH224	Dương Thị Hồng Hoa	12/8/1989	SP	52,5	52,5			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Vhoa	Giỏi
223	TH225	Hoàng Thị Thanh Hoa	29/1/1998	SP	45	45			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Giỏi
224	TH226	Lục Thị Mai Hoa	13/6/1996	SP	62,5	62,5			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
225	TH227	Mai Ngọc Hoa	29/05/2003	SP	60	60			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Khá
226	TH228	Nguyễn Thị Hoa	13/4/1996	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Vhoa	X.sắc
227	TH229	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	15/5/2000	SP	57,5	57,5			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Vhoa	Giỏi
228	TH230	Nguyễn Thị Thanh Hoa	20/4/1999	SP	46,7	46,7			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Giỏi
229	TH231	Phạm Thị Thanh Hoa	18/6/1996	SP	78,3	78,3			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Vhoa	Giỏi
230	TH232	Trần Thị Hoa	08/07/1991	SP	85,8	85,8			Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Vhoa	Khá
231	TH233	Đặng Quang Hoà	09/03/1988	Khac	57,5	52,5	5	Con ruột bệnh binh 2/3 (61%)	Trường Tiểu học Thị trấn Yên Mỹ II-TH-THCN	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-THCN	Khá
232	TH234	Nguyễn Khánh Hoà	09/01/2000	Khac	45	45			Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Ngngu	Khá
233	TH235	Nguyễn Thị Hoà	02/12/1989	SP	59,2	59,2			Trường Tiểu học Thiên Phiến-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thủ Sỹ-TH-Ngngu	Khá
234	TH236	Trần Thị Hoà	02/11/2003	SP	87,5	87,5			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Khá
235	TH237	Trần Thị Hoà	16/7/1976	Khac	Bỏ thi	Bỏ thi	5	Con thương binh 1/4	Trường Tiểu học Lê Xá-TH-THCN	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-THCN	Giỏi
236	TH238	Bùi Thị Hoài	06/5/1990	SP	70,8	70,8			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Vhoa	Khá
237	TH239	Ngô Thị Hoài	16/3/1996	Khac	60	60			Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Khá
238	TH240	Nguyễn Thị Hoài	16/3/1988	SP	52,5	52,5			Trường Tiểu học Đoàn Đào-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN	Khá
239	TH241	Nguyễn Thị Thu Hoài	24/7/2003	SP	62,5	62,5			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Khá
240	TH242	Phạm Thị Hoài	20/5/1988	Khac	77,5	77,5			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN	Giỏi
241	TH243	Vũ Thị Hoài	17/10/1991	SP	90	90			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	X.sắc
242	TH244	Phạm Vũ Hoàng	27/10/2000	SP	85,8	85,8			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
243	TH245	Đỗ Thị Hoạt	18/09/1990	Khac	50	50			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-THCN	Trường TH và THCS Việt Cường-TH-THCN	Khá
244	TH246	Đỗ Thị Thủy Hồng	14/8/2000	Khac	50	50			Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Ngngu		Khá
245	TH247	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1986	SP	76,7	76,7			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Khoái Châu-TH-Vhoa	Khá
246	TH248	Phạm Thị Hồng	08/8/1993	SP	63,3	63,3			Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Vhoa	Khá
247	TH249	Trần Thị Hồng	22/9/1990	SP	75	75			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN	Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-THCN	Giỏi
248	TH250	Trần Thị Hồng	05/5/2002	SP	90	90			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Khá
249	TH251	Vương Thị Hop	10/9/1996	Khac	52,5	52,5			Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngngu	Khá
250	TH252	Ngô Thị Huế	14/12/2003	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Khá
251	TH253	Nguyễn Thị Thu Huế	24/01/2002	SP	62,5	62,5			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
252	TH254	Trần Thị Huế	08/11/2000	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Vhoa	Giỏi
253	TH255	Đào Thị Huế	20/09/2002	SP	50,8	50,8			Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu	Khá
254	TH256	Đoàn Kiều Minh Huế	20/8/1998	SP	51,7	51,7			Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
255	TH257	Hoàng Thị Thu Huế	02/01/1997	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Vhoa	Khá
256	TH258	Nguyễn Thị Hồng Huế	02/02/1979	SP	70,8	70,8			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu		TB

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
257	TH259	Nguyễn Thị Huệ	09/01/2003	SP	71,7	71,7			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Khá
258	TH260	Nguyễn Thị Huệ	21/07/1990	SP	75,8	75,8			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Vhoa	Giỏi
259	TH261	Nguyễn Thị Huệ	23/9/1989	SP	50	50			Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tổng Trân-TH-Vhoa	Khá
260	TH262	Phạm Thị Huệ	30/4/1998	SP	80,8	80,8			Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
261	TH263	Nguyễn Mạnh Hùng	02/01/1981	SP	35,8	35,8			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu		TB Khá
262	TH264	Lê Mạnh Hưng	22/ 09/1998	SP	41,7	41,7			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Khá
263	TH265	Trần Thị Hưng	02/3/2002	SP	83,3	83,3			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Vhoa	Giỏi
264	TH266	Bùi Thị Hương	22/08/1990	Khac	74,2	74,2			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-THCN	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-THCN	Giỏi
265	TH267	Cao Thị Liên Hương	04/06/2002	SP	50	50			Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Vhoa		Khá
266	TH268	Đào Thị Hương	13/10/1998	SP	50	50			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Vhoa	Giỏi
267	TH269	Đào Thị Hương	09/12/2001	SP	46,7	46,7			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa		Khá
268	TH270	Đinh Thị Thanh Hương	10/9/1989	Khac	57,5	57,5			Trường TH và THCS Quang Trung-TH-THCN	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	TB Khá
269	TH271	Đỗ Diệu Hương	21/9/2003	SP	65	65			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Khá
270	TH272	Đỗ Lan Hương	21/6/1993	SP	55	55			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Khá
271	TH273	Đỗ Thu Hương	02/8/2001	SP	79,2	79,2			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa		Giỏi
272	TH274	Đoàn Thị Mai Hương	25/7/1981	Khac	46,7	46,7			Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-THCN	TB Khá
273	TH275	Hoàng Hà Hải Châu	17/11/1986	SP	60	60			Trường Tiểu học Ngọc Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Khá
274	TH276	Hoàng Thanh Hương	20/02/2003	SP	65	65			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tổng Trân-TH-Vhoa	Khá
275	TH277	Lê Thị Hương	08/7/1991	SP	33,3	33,3			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Nhac	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Nhac	Khá
276	TH278	Lưu Lan Hương	30/8/1999	SP	89,2	89,2			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	X.sắc
277	TH279	Nguyễn Thị Hương	30/6/2001	SP	60,8	60,8			Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phong-TH-Vhoa	Khá
278	TH280	Nguyễn Thị Hương	16/5/2000	SP	40,8	40,8			Trường Tiểu học An Viên-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Ngngu	Khá
279	TH281	Nguyễn Thị Lan Hương	28/8/2002	SP	57,5	57,5			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
280	TH282	Nguyễn Thị Lan Hương	28/10/2003	SP	80	80			Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Giỏi
281	TH283	Nguyễn Thị Sóng Hương	20/6/2002	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Ngọc Đại Đông-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
282	TH284	Nguyễn Thị Thanh Hương	01/9/2003	SP	65,8	65,8			Trường TH và THCS Mai Động-TH-THCN	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-THCN	Giỏi
283	TH285	Phạm Thị Hương	07/4/2002	SP	60	60			Trường TH và THCS Cẩm Ninh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đặng Lễ-TH-Vhoa	Giỏi
284	TH286	Phạm Thu Hương	6/7/2000	Khac	65	65			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Khá
285	TH287	Trần Thị Hương	01/5/1992	SP	65	65			Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-GDTC	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-GDTC	Khá
286	TH288	Trần Thị Hương	21/10/1984	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Thiên Phiến-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu	Khá
287	TH289	Trần Thị Hương	22/9/2003	SP	55,8	55,8			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Vhoa	Khá
288	TH290	Trần Thị Hương	05/02/1980	SP	53,3	53,3			Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Dương Quang-TH-Ngngu	TB Khá
289	TH291	Vũ Thị Hương	29/10/1995	Khac	58,3	58,3			Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu	Khá
290	TH292	Vũ Thị Thanh Hương	9/7/2000	SP	67,5	67,5			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Khá
291	TH293	Bồ Thị Hường	19/9/1986	Khac	64,2	64,2			Trường Tiểu học Đình Cao-TH-THCN	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Khá
292	TH294	Bùi Thị Hường	04/10/2000	SP	50	50			Trường TH và THCS Quảng Lăng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đặng Lễ-TH-Vhoa	Khá
293	TH295	Đặng Thị Thu Hường	26/6/1976	SP	42,5	42,5			Trường TH và THCS Hoàng Hanh-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Tân Sỹ-TH-Ngngu	TB
294	TH296	Hà Thị Hường	20/8/1994	SP	63,3	63,3			Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Vhoa	X.sắc
295	TH297	Lê Thị Hường	10/6/1994	SP	60	60			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Giỏi
296	TH298	Nguyễn Thị Hường	02/12/1997	SP	75	75			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
297	TH299	Nguyễn Thị Hường	15/02/1986	SP	33,3	33,3			Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Vhoa		Khá
298	TH300	Nguyễn Thị Thanh Hường	14/9/2001	SP	86,7	86,7			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Trung Trắc-TH-Vhoa	Giỏi
299	TH301	Nguyễn Thị Thu Hường	23/3/2000	SP	65,8	65,8			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Khá
300	TH302	Nguyễn Thu Hường	29/8/1987	SP	56,7	56,7			Trường TH và THCS Nguyễn Trãi-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Cẩm Ninh-TH-Vhoa	Khá
301	TH303	Nguyễn Thu Hường	06/9/1993	SP	59,2	59,2			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Vhoa	Khá
302	TH304	Trần Minh Hường	24/12/1987	SP	66,7	66,7			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Nhac	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Nhac	Khá
303	TH305	Trịnh Thị Hường	31/8/1981	SP	50	50			Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Ngngu		Khá
304	TH306	Đoàn Quốc Huy	09/8/1990	Khac	51,7	51,7			Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-GDTC	Khá
305	TH307	Nguyễn Quang Huy	19/7/1987	SP	52,5	50	2,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-GDTC	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-GDTC	TB
306	TH308	Trần Quang Huy	05/3/1994	SP	50	50			Trường TH và THCS Cửu Cao-TH-GDTC	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-GDTC	Khá
307	TH309	Bùi Thị Thanh Huyền	01/4/1999	Khac	33,3	33,3			Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Tổng Phan-TH-Ngngu	Khá
308	TH310	Giang Thị Thanh Huyền	24/7/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
309	TH311	Hà Phương Huyền	15/8/1994	SP	71,7	71,7			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
310	TH312	Khúc Thị Huyền	17/01/1989	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-THCN		Giỏi
311	TH313	Nguyễn Đỗ Thu Huyền	24/02/2003	SP	60	60			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tổng Trân-TH-Vhoa	Khá
312	TH314	Nguyễn Ngọc Huyền	16/5/2000	SP	44,2	44,2			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Giỏi
313	TH315	Nguyễn Thị Huyền	07/3/2003	SP	51,7	51,7			Trường TH và THCS Quang Vinh-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Nguyễn Trãi-TH-Vhoa	Khá
314	TH317	Nguyễn Thị Huyền	03/6/2002	SP	83,3	83,3			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chính Nghĩa-TH-Vhoa	Khá
315	TH318	Nguyễn Thị Huyền	19/10/1998	Khac	55	55			Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Ngngu	Khá
316	TH319	Nguyễn Thị Huyền	04/9/1995	SP	74,2	74,2			Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Vhoa	Giỏi
317	TH320	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14/03/1995	SP	71,7	71,7			Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Khá
318	TH321	Nguyễn Thu Huyền	20/8/2003	SP	45,8	45,8			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa		Khá
319	TH322	Nguyễn Thu Huyền	25/02/2003	SP	50,8	50,8			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Khá
320	TH323	Phùng Thị Thanh Huyền	13/11/1996	SP	64,2	64,2			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Khá
321	TH324	Phùng Thị Thanh Huyền	08/4/1984	SP	49,2	49,2			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Khá
322	TH325	Tổng Khánh Huyền	03/7/1998	SP	50	50			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Khá
323	TH326	Trần Khánh Huyền	05/12/2002	SP	88,3	88,3			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Vhoa	Giỏi
324	TH327	Trần Thị Huyền	08/07/1987	SP	55,8	55,8			Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-TH-Vhoa	Giỏi
325	TH328	Trần Thị Huyền	14/6/1988	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Vhoa	Giỏi
326	TH329	Vũ Thị Huyền	26/11/2000	Khac	66,7	66,7			Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu		Khá
327	TH330	Trần Đăng Huyền	13/9/1989	Khac	69,2	69,2			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu		Khá
328	TH331	Nguyễn Quốc Khánh	22/12/1996	SP	63,3	63,3			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tổng Trân-TH-Vhoa	Giỏi
329	TH332	Nguyễn Văn Khánh	22/10/1976	SP	51,7	51,7			Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngngu	TB Khá/ Khá
330	TH333	Nguyễn Thị Khuyên	25/11/1992	SP	80	80			Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Giỏi
331	TH334	Trần Thị Thanh Lam	09/7/1997	SP	55	55			Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-Vhoa		Khá
332	TH335	Đàm Thị Lan	15/6/2002	SP	67,5	67,5			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa	Trường Tiểu học An Viên-TH-Vhoa	Giỏi
333	TH336	Lê Thị Lan	19/8/2001	SP	73,3	73,3			Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Giỏi
334	TH337	Lương Thị Lan	26/3/1997	Khac	50,8	50,8			Trường Tiểu học Lê Xá-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thụy Lôi-TH-Ngngu	Khá
335	TH338	Nguyễn Ngọc Lan	07/7/1998	SP	45,8	45,8			Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Vhoa	Khá
336	TH339	Nguyễn Thị Lan	28/01/1984	SP	51,7	51,7			Trường TH và THCS Nguyễn Hoà-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Vhoa	Giỏi
337	TH340	Nguyễn Thị Quý Lan	01/12/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Giỏi
338	TH341	Nguyễn Thị Thảo Lan	19/05/2000	Khac	46,7	46,7			Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-TH-Ngngu	Khá
339	TH342	Nguyễn Thị Thu Lan	13/4/1990	SP	54,2	54,2			Trường Tiểu học An Viên-TH-Ngngu		Khá
340	TH343	Trịnh Hương Dạ Lan	26/12/1999	SP	87,5	87,5			Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	X.sắc
341	TH344	Nguyễn Thế Lân	13/04/1985	SP	66,7	66,7			Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Vhoa	Khá
342	TH345	Phạm Thị Lân	14/7/1988	SP	55,8	50,8	5	Con thương binh	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-THCN	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN	Khá
343	TH346	Phùng Thị Lanh	21/7/1994	SP	45	45			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Khá
344	TH347	Nông Thị Lê	16/8/1992	SP	65,8	60,8	5	Dân tộc	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
345	TH348	Trần Thị Nhật Lê	24/7/1998	SP	50	50			Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Khá
346	TH349	Trần Thị Nhật Lê	13/11/1996	Khac	50	50			Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngngu	Khá
347	TH350	Giáp Ngọc Liên	16/12/2003	SP	86,7	86,7			Trường Tiểu học Tổng Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Giỏi
348	TH351	Trần Thị Liên	15/4/1988	SP	50	50			Trường Tiểu học Dị Chế-TH-Ngngu		Khá
349	TH352	Vũ Thị Kim Liên	08/4/2001	SP	65,8	65,8			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Ngngu		X.sắc
350	TH353	Hoàng Thị Liên	19/1/1991	SP	55,8	50,8	5	Tây	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-GDTC	Khá
351	TH354	Nguyễn Thị Liễu	05/12/1987	SP	92,5	92,5			Trường Tiểu học Tổng Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
352	TH355	Phạm Thúy Liễu	29/8/1990	SP	45,8	45,8			Trường TH và THCS Hưng Đạo-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Vhoa	Giỏi
353	TH356	Đặng Thị Linh	30/10/2000	Khac	59,2	59,2			Trường Tiểu học Bản Yên Nhân Số 1-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-TH-Ngngu	Khá
354	TH357	Đặng Thùy Linh	20/8/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Tổng Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Khá
355	TH358	Đặng Thùy Linh	04/01/1990	Khac	50	50			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-THCN	Khá
356	TH359	Đỗ Thảo Linh	05/04/2001	SP	75	75			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Hàm Tử-TH-Vhoa	Khá
357	TH360	Đỗ Thị Diệu Linh	16/11/2001	SP	82,5	82,5			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
358	TH361	Đỗ Thị Kiều Linh	08/8/2002	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Vhoa	Khá
359	TH362	Doãn Thùy Linh	06/4/2002	SP	63,3	63,3			Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
360	TH363	Dương Thùy Linh	10/9/1998	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Giỏi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
361	TH364	Hà Thị Mỹ Linh	23/6/2001	SP	83,3	83,3			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Giỏi
362	TH365	Hoàng Thị Linh	21/5/1985	Khac	69,2	64,2	5	Con thương binh	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-THCN		Khá
363	TH366	Hoàng Thị Mỹ Linh	12/02/1998	Khac	59,2	59,2			Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Ngngu	Khá
364	TH367	Khuất Diệu Linh	13/12/2003	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Giỏi
365	TH368	Lê Thị Hoài Linh	08/05/2002	SP	93,3	93,3			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Giỏi
366	TH369	Lê Thị Thùy Linh	30/05/2000	Khac	44,2	44,2			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu	Khá
367	TH370	Lương Thị Phương Linh	28/01/2003	SP	80,8	80,8			Trường Tiểu học Tổng Trần-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
368	TH371	Ngô Thị Ngọc Linh	20/9/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Ngngu	X.sắc
369	TH372	Nguyễn Bảo Linh	06/01/2002	SP	45	45			Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
370	TH373	Nguyễn Diệu Linh	20/10/2003	SP	89,2	89,2			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Khá
371	TH374	Nguyễn Diệu Linh	27/02/1998	SP	89,2	89,2			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa		Khá
372	TH375	Nguyễn Khánh Linh	16/09/2003	SP	90	90			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Vhoa	Khá
373	TH376	Nguyễn Khánh Linh	20/10/2003	SP	50	50			Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Vhoa	Giỏi
374	TH377	Nguyễn Thị Hải Linh	08/7/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Giỏi
375	TH378	Nguyễn Thị Khánh Linh	22/6/2001	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
376	TH379	Nguyễn Thị Nhật Linh	23/6/2001	SP	80	80			Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Vhoa	Giỏi
377	TH380	Nguyễn Thị Thuý Linh	17/4/2001	SP	56,7	56,7			Trường TH và THCS Thuận Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	X.sắc
378	TH381	Nguyễn Thị Thuý Linh	02/02/1998	SP	60,8	60,8			Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Khá
379	TH382	Nguyễn Thị Thuý Linh	04/9/2003	SP	45	45			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Khá
380	TH383	Nguyễn Thị Thuý Linh	28/11/2001	Khac	75	75			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Mỹ Sở-TH-Ngngu	Khá
381	TH384	Nguyễn Thuý Linh	20/9/2001	SP	50	50			Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Khá
382	TH385	Nguyễn Thuý Linh	06/02/2003	SP	66,7	66,7			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Vhoa	Khá
383	TH386	Phạm Thuý Linh	07/7/2000	SP	45	45			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa		Giỏi
384	TH387	Phạm Thuý Linh	28/07/1991	Khac	91,7	91,7			Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Khá
385	TH388	Quách Thị Thuý Linh	01/7/2001	SP	65,8	65,8			Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Vhoa	Khá
386	TH389	Tạ Khánh Linh	18/11/2000	SP	67,5	67,5			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
387	TH390	Tô Khánh Linh	16/08/2003	SP	84,2	84,2			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
388	TH391	Vũ Thị Linh	16/11/2000	SP	83,3	83,3			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Vhoa	Khá
389	TH392	Vương Thảo Linh	01/3/2001	SP	89,2	89,2			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Khá
390	TH393	Đỗ Thị Liu	25/5/1986	SP	73,3	73,3			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thụy Lôi-TH-Ngngu	TB Khá
391	TH394	Bùi Thị Thu Loan	09/11/1995	SP	57,5	57,5			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Giỏi
392	TH395	Cao Thị Hồng Loan	05/02/1997	SP	55	55			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngngu	Giỏi
393	TH396	Phạm Thị Loan	27/8/1999	SP	41,7	41,7			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Khá
394	TH397	Vũ Thị Bích Loan	12/09/2002	SP	44,2	44,2			Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Khá
395	TH398	Vũ Thị Loan	01/11/1991	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu	Khá
396	TH399	Phan Thị Loát	04/12/1988	SP	49,2	49,2			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Ngngu	Khá
397	TH400	Đoàn Mạnh Long	15/9/1995	SP	50	50			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-GDTC	Trường TH và THCS Nguyễn Hoà-TH-GDTC	Giỏi
398	TH401	Phạm Nhật Long	02/9/2000	Khac	60,8	60,8			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-THCN	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN	Khá
399	TH402	Trần Thanh Long	24/01/1995	SP	65	65			Trường Tiểu học Tổng Trần-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
400	TH403	Vũ Đình Long	07/4/1992	SP	50	50			Trường Tiểu học Hồng Tiến-TH-GDTC	Trường Tiểu học An Vi-TH-GDTC	Khá
401	TH404	Lê Thị Lu	17/03/1988	SP	86,7	86,7			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
402	TH405	Cần Thị Lụa	04/8/1990	SP	76,7	76,7			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Khá
403	TH406	Chu Thị Lụa	30/11/1987	SP	65	60	5	Con thương binh	Trường Tiểu học Lê Xá-TH-Ngngu		Khá
404	TH407	Hoàng Thị Huyền Lương	05/11/1997	SP	43,3	43,3			Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Vhoa	Giỏi
405	TH408	Hoa Thị Luyến	03/10/1990	SP	50,8	50,8			Trường TH và THCS Minh Phương-TH-Ngngu		Khá
406	TH409	Đỗ Thị Luyến	31/3/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Trưng Trắc-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
407	TH410	Đoàn Thị Khánh Ly	01/10/1997	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Khá
408	TH411	Nguyễn Khánh Ly	14/12/1998	SP	89,2	89,2			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa		Khá
409	TH412	Nguyễn Thị Hồng Ly	04/6/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Khá
410	TH413	Nguyễn Thị Khánh Ly	04/01/2000	SP	48,3	48,3			Trường Tiểu học Bình Minh-TH-Vhoa		Khá
411	TH414	Nguyễn Thị Ly	02/12/1996	SP	60	60			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Giỏi
412	TH415	Nhâm Thị Cẩm Ly	04/12/2002	SP	49,2	49,2			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Giỏi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
413	TH416	Trần Hương Ly	03/11/2002	SP	85	85			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
414	TH417	Đinh Thị Mai	17/01/1989	SP	77,5	77,5			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Vhoa	Giỏi
415	TH418	Đỗ Thị Mai	27/8/1979	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngngu		TB Khá
416	TH419	Hoàng Thị Ngọc Mai	25/08/2002	SP	63,3	63,3			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Vhoa		X.sắc
417	TH420	Lê Hồng Mai	03/7/1992	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Giỏi
418	TH421	Lê Quỳnh Mai	16/03/2001	Khac	44,2	44,2			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	TB
419	TH422	Lê Thị Ngọc Mai	02/11/2003	SP	65	65			Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-Vhoa		Khá
420	TH423	Lưu Hồ Quỳnh Mai	04/9/2003	SP	55	55			Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Giỏi
421	TH424	Ngô Thủy Mai	14/10/2003	SP	85	85			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tổng Trần-TH-Vhoa	X.sắc
422	TH425	Nguyễn Ngọc Mai	09/02/1994	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
423	TH426	Nguyễn Thị Thanh Mai	13/10/2002	SP	68,3	68,3			Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-Ngngu		Khá
424	TH427	Phạm Thị Mai	10/6/1988	SP	64,2	64,2			Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-THCN	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-THCN	Khá
425	TH428	Phạm Thị Mai	02/8/1977	Khac	73,3	68,3	5	Con thương binh	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngngu	TB Khá
426	TH429	Trần Nhật Mai	24/10/2003	SP	55	55			Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Bạch Sam-TH-Vhoa	Khá
427	TH430	Trần Thị Phương Mai	22/07/1997	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Khá
428	TH431	Vi Thị Mai	12/03/2002	SP	56,7	51,7	5	Nùng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Vhoa	Giỏi
429	TH432	Vũ Thị Bông Mai	11/8/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
430	TH433	Vũ Thị Ngọc Mai	27/06/2002	SP	82,5	82,5			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Vhoa		Giỏi
431	TH434	Bùi Thị Mân	06/10/1990	Khac	60,8	60,8			Trường Tiểu học Đình Cao-TH-THCN	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Giỏi
432	TH435	Đỗ Đắc Mạnh	23/6/1998	SP	64,2	64,2			Trường Tiểu học Đông Kết-TH-GDTC	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-GDTC	Khá
433	TH436	Trịnh Thế Mạnh	29/09/1987	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-GDTC		Khá
434	TH437	Nguyễn Thị Hồng Mậu	15/8/1978	Khac	50,8	50,8			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Khá
435	TH438	Đinh Thị Mến	03/02/1997	SP	80	75	5	Mường	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa		Khá
436	TH439	Hoàng Thị Mến	22/9/1995	SP	86,7	81,7	5	Nùng	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Giỏi
437	TH440	Nguyễn Thị Mến	15/11/1985	SP	90	90			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Vhoa	Khá
438	TH441	Nghiêm Thị Mi	05/8/2003	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Đào Dương-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-Vhoa	Giỏi
439	TH442	Nguyễn Thị Trà Mi	06/7/1998	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Khá
440	TH443	Nguyễn Thị Trà Mi	22/11/1998	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
441	TH444	Hoàng Thị Miên	05/5/1995	Khac	72,5	72,5			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Khá
442	TH445	Bùi Thị Ngọc Minh	25/10/2001	SP	51,7	51,7			Trường TH và THCS Dương Quang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Vhoa	Giỏi
443	TH446	Nguyễn Thị Mơ	16/9/2001	SP	74,2	74,2			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
444	TH447	Nguyễn Thị Mộng	25/02/1987	Khac	48,3	48,3	5	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-THCN	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN	Khá
445	TH448	Phạm Thị Ngọc Mùi	09/9/2003	SP	61,7	61,7			Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Quang Vinh-TH-Vhoa	Giỏi
446	TH449	Nguyễn Thị Trà My	10/11/1999	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
447	TH450	Trần Trà My	21/11/1995	SP	49,2	49,2			Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Nhac	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Nhac	Khá
448	TH451	Nguyễn Sỹ Nam	12/06/1986	SP	33,3	33,3			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-GDTC		Giỏi
449	TH452	Đỗ Thị Mỹ Nga	12/3/1992	SP	65,8	65,8			Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Vhoa	Khá
450	TH453	Đỗ Thị Nga	01/01/2001	SP	89,2	89,2			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Trung Trắc-TH-Vhoa	Giỏi
451	TH454	Hoàng Thị Nga	10/11/1996	SP	72,5	72,5			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Giỏi
452	TH455	Lương Quỳnh Nga	01/11/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Khá
453	TH456	Ngô Thị Tuyết Nga	03/10/1978	SP	69,2	64,2	5	Con thương binh 1/4	Trường Tiểu học Thiện Phiến-TH-Ngngu		TB
454	TH457	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	14/4/2001	SP	50	50			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
455	TH458	Nguyễn Thị Phương Nga	10/3/1997	SP	57,5	57,5			Trường Tiểu học Bình Minh-TH-Vhoa		Giỏi
456	TH459	Nguyễn Thủy Nga	8/11/1997	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
457	TH460	Trần Phương Nga	23/12/2001	SP	75,8	75,8			Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bản Yên Nhân Số 1-TH-Vhoa	Khá
458	TH461	Trịnh Thị Thuý Nga	15/12/1996	SP	62,5	62,5			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
459	TH462	Vũ Thị Nga	09/4/2000	SP	44,2	44,2			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
460	TH463	Bồ Thị Kim Ngân	31/8/1976	SP	60	60			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Vhoa	Giỏi
461	TH464	Cao Thị Ngân	12/01/1994	Khac	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-THCN	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN	TB

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
462	TH465	Đỗ Thúy Ngân	20/5/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
463	TH466	Hoàng Thị Ngân	08/12/1994	Khac	57,5	57,5			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-THCN	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-THCN	Khá
464	TH467	Nguyễn Thị Ngân	27/03/1998	Khac	59,2	59,2			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	TB
465	TH468	Nguyễn Thị Thủy Ngân	01/11/1997	SP	64,2	64,2			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Vhoa	Giỏi
466	TH469	Phạm Thị Ngân	25/11/2001	SP	62,5	62,5			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Vũ Xá-TH-Vhoa	Khá
467	TH470	Nguyễn Thị Ngát	24/6/1999	SP	47,5	47,5			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Giỏi
468	TH471	Cao Thị Hồng Ngọc	13/3/2003	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Vhoa	Khá
469	TH472	Đặng Minh Ngọc	28/8/2003	SP	78,3	78,3			Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Vhoa	X.sắc
470	TH473	Hoàng Thị Hồng Ngọc	24/11/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Giỏi
471	TH474	Lỗ Hoài Ngọc	26/11/2003	SP	78,3	78,3			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Giỏi
472	TH475	Nguyễn Thị Ngọc	05/11/1997	SP	50	50			Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Giỏi
473	TH476	Nguyễn Thị Ngọc	09/1/2003	SP	89,2	89,2			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
474	TH477	Trần Bảo Ngọc	28/9/2003	SP	68,3	68,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-THCN	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-THCN	Khá
475	TH478	Võ Phùng Bảo Ngọc	20/10/2003	SP	79,2	79,2			Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Vhoa	Giỏi
476	TH479	Vũ Thị Hồng Ngọc	10/6/2003	SP	56,7	56,7			Trường TH và THCS Ông Đình-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Giỏi
477	TH480	Đào Thị Ngọt	29/10/1996	SP	52,5	52,5			Trường Tiểu học Hiệp Cường-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Vhoa	Khá
478	TH481	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	01/5/1995	SP	65,8	65,8			Trường Tiểu học Phú Ủng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Vhoa	Giỏi
479	TH482	Đoàn Thị Minh Nguyệt	15/12/2003	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
480	TH483	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	06/3/1998	Khac	52,5	52,5			Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Ngngu	Khá
481	TH484	Nguyễn Thị Nguyệt	18/02/2000	SP	47,5	47,5			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
482	TH485	Nguyễn Thị Như Nguyệt	22/10/2003	SP	80	80			Trường Tiểu học Đại Ngõ Quyền-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
483	TH486	Chu Thanh Nhài	09/4/1989	SP	59,2	59,2			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	TB Khá
484	TH487	Lê Thị Nhân	21/01/1984	SP	50	50			Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Nhac	Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-Nhac	Giỏi
485	TH488	Nguyễn Thị Thanh Nhân	26/2/1997	SP	45,8	45,8			Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Bãi Sậy-TH-Vhoa	Khá
486	TH489	Vũ Thị Nhân	06/02/1986	Khac	63,3	63,3			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Khá
487	TH490	Vũ Thị Nhân	01/6/1995	SP	40	40			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Khá
488	TH491	Đào Thị Ninh	13/9/1988	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-GDTC	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-GDTC	Giỏi
489	TH492	Hoàng Thị Hồng Ninh	28/01/2002	SP	65	65			Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Ngngu		Khá
490	TH493	Đặng Thị Như	20/9/1994	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Lam Sơn-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngngu	Khá
491	TH494	Bùi Thị Hồng Nhung	03/12/2001	Khac	70,8	70,8			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu		Khá
492	TH495	Đỗ Thị Phi Nhung	12/8/2000	Khac	61,7	61,7			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngngu	Giỏi
493	TH496	Kim Thị Hồng Nhung	28/5/2002	SP	61,7	61,7			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Giỏi
494	TH497	Mai Thị Nhung	09/8/1988	SP	73,3	73,3			Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Vhoa	X.sắc
495	TH498	Mai Thị Thuỷ Nhung	28/10/2003	SP	65	65			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Vhoa	Giỏi
496	TH499	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/12/1997	SP	55	55			Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Khá
497	TH500	Phạm Thị Nhung	11/02/1992	SP	80	80			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Nguyễn Hoà-TH-Vhoa	Khá
498	TH501	Vũ Hồng Nhung	06/01/2003	SP	76,7	76,7			Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Vhoa	Khá
499	TH502	Vương Hồng Nhung	10/12/1996	SP	50,8	50,8			Trường TH và THCS Thọ Vinh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Vhoa	
500	TH503	Dương Khánh Ni	01/12/1992	SP	67,5	67,5			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
501	TH504	Đào Thị Hải Ninh	05/9/1979	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thủ Sỹ-TH-Ngngu	TB
502	TH505	Đinh Thảo Ninh	03/11/1994	SP	50	50			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Ngngu	Khá
503	TH506	Trần Thị Nụ	04/7/1997	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngngu	Khá
504	TH507	Đinh Thị Kiều Oanh	07/10/2003	SP	65	65			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa		Khá
505	TH508	Lê Kiều Oanh	17/07/1996	SP	46,7	46,7			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Vhoa	Khá
506	TH509	Nguyễn Kiều Oanh	29/01/1998	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
507	TH510	Nguyễn Thị Oanh	12/01/1995	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Khá
508	TH511	Phạm Thị Kim Oanh	06/10/1996	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Vhoa	Giỏi
509	TH512	Nguyễn Thị Oánh	08/3/1985	SP	90,8	90,8			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa		Khá
510	TH513	Nguyễn Hồng Phi	19/4/1995	SP	50,8	50,8			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	X.sắc
511	TH514	Nguyễn Thị Phi	01/07/1984	SP	45,8	45,8			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa		Giỏi
512	TH515	Bùi Thị Bích Phương	02/10/2000	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-Vhoa	Khá
513	TH516	Đặng Hà Phương	01/11/2000	SP	69,2	69,2			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Khá
514	TH517	Đào Ngọc Phương	24/04/1984	SP	50,8	50,8			Trường TH và THCS Thuận Hưng-TH-Vhoa		Giỏi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
515	TH518	Đoàn Lê Phương	20/05/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Khá
516	TH519	Hồ Xuân Phương	17/04/1996	SP	46,7	46,7			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngngu	Giỏi
517	TH520	Hoàng Mai Phương	18/12/1994	SP	92,5	92,5			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Giỏi
518	TH521	Hoàng Thu Phương	12/6/2002	SP	86,7	86,7			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Giỏi
519	TH522	Lê Thị Hồng Phương	07/6/2000	Khac	50,8	50,8			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Giỏi
520	TH523	Lưu Thị Phương	25/07/1995	Khac	60	60			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu		Khá
521	TH524	Luyện Minh Phương	27/09/1999	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Nhac	Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Nhac	Khá
522	TH525	Nguyễn Hoài Phương	11/02/2002	SP	55	55			Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phù Ủng-TH-Vhoa	Khá
523	TH526	Nguyễn Lan Phương	30/05/2001	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
524	TH527	Nguyễn Mai Phương	5/11/2003	SP	65	65			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
525	TH528	Nguyễn Phạm Mai Phương	18/12/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
526	TH529	Nguyễn Thị Phương	22/7/1999	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Nguyễn Hoà-TH-Vhoa	Khá
527	TH530	Nguyễn Thị Phương	10/4/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Trung Trắc-TH-Vhoa	Giỏi
528	TH531	Nguyễn Thị Phương	28/5/1990	SP	50	50			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
529	TH532	Nguyễn Thị Thu Phương	07/08/2002	SP	82,5	82,5			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Giỏi
530	TH533	Nguyễn Thu Phương	12/3/2002	SP	76,7	76,7			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	X.sắc
531	TH534	Nguyễn Vũ Ngọc Phương	20/9/1995	SP	80,8	80,8			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Khá
532	TH535	Phạm Thị Phương	10/9/1999	Khac	50,8	50,8			Trường TH và THCS Ngọc Lâm-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Ngngu	Giỏi
533	TH536	Phạm Thu Phương	17/11/2001	SP	91,7	91,7			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Giỏi
534	TH537	Trần Lan Phương	25/11/2002	SP	85	85			Trường Tiểu học Quang Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tiên Tiến-TH-Vhoa	Khá
535	TH538	Trần Thị Phương	23/11/1997	SP	61,7	61,7			Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-Vhoa	Giỏi
536	TH539	Trần Thu Phương	06/10/2001	SP	55	55			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Khá
537	TH540	Vũ Hà Phương	14/10/2000	SP	80,8	80,8			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Giỏi
538	TH541	Vũ Hạnh Phương	12/8/2001	SP	94,2	94,2			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	X.sắc
539	TH542	Vũ Mai Phương	14/11/2003	SP	66,7	66,7			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	X.sắc
540	TH543	Nguyễn Mùi Phương	02/10/1991	Khac	61,7	61,7			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lê Xá-TH-Ngngu	Giỏi
541	TH544	Nguyễn Thị Phương	12/02/1991	SP	46,7	46,7			Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-THCN	Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-THCN	Giỏi
542	TH545	Phạm Thị Phương	30/8/1991	SP	67,5	67,5			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Giỏi
543	TH546	Chu Thị Quế	01/11/1996	Khac	59,2	59,2			Trường Tiểu học Cẩm Xá-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Ngngu	Khá
544	TH547	Đỗ Thị Quế	18/5/1985	Khac	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Trường Tiểu học Đoàn Đào-TH-THCN	TB
545	TH548	Phạm Minh Quốc	03/01/1996	SP	49,2	49,2			Trường Tiểu học Dân Tiến-TH-GDTC	Trường Tiểu học Đông Kết-TH-GDTC	Khá
546	TH549	Lưu Hồng Quý	02/12/2003	SP	47,5	47,5			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Giỏi
547	TH550	Trần Đức Quý	05/12/1999	SP	48,3	48,3			Trường Tiểu học Cưng Chính-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Ngngu	Khá
548	TH551	Vũ Thị Quý	05/9/1981	SP	35,8	35,8			Trường Tiểu học Thụy Lôi-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu	TB Khá
549	TH552	Đặng Thị Ngọc Quyên	12/05/2000	SP	57,5	57,5			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Khá
550	TH553	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	12/02/1994	SP	40	40			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
551	TH554	Nguyễn Thị Quyên	20/10/1994	SP	81,7	81,7			Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Ngngu	Khá
552	TH555	Phạm Thị Quyên	14/12/1988	SP	35,8	35,8			Trường TH và THCS Hưng Đạo-TH-Vhoa		Khá
553	TH556	Đỗ Như Quỳnh	25/01/1998	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
554	TH557	Đỗ Phương Quỳnh	23/9/1994	SP	55	55			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Giỏi
555	TH558	Đỗ Thị Quỳnh	24/11/1987	SP	90,8	90,8			Trường Tiểu học Cưng Chính-TH-THCN	Trường Tiểu học An Viên-TH-THCN	Khá
556	TH559	Đồng Như Quỳnh	31/3/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Phú Thịnh-TH-Vhoa	Khá
557	TH560	Dương Như Quỳnh	30/01/2002	SP	55	55			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Giỏi
558	TH561	Dương Thị Quỳnh	12/09/1981	SP	35	35	5	Con đẻ của người hoạt động cách mạng nhiệm chất độc hóa học	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Giỏi
559	TH562	Hoàng Thị Thuý Quỳnh	30/10/2003	SP	91,7	91,7			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Giỏi
560	TH563	Lê Diễm Quỳnh	15/09/2003	SP	89,2	89,2			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Vhoa	Khá
561	TH564	Lê Diệu Quỳnh	24/8/2003	SP	66,7	61,7	5	con của người được hưởng chính sách như thương binh	Trường TH và THCS Cẩm Ninh-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Nguyễn Trãi-TH-Vhoa	Khá
562	TH565	Lê Thị Diễm Quỳnh	01/01/2001	SP	93,3	93,3			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Khá
563	TH566	Lê Thúy Quỳnh	03/8/1995	SP	82,5	82,5			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa		Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
564	TH567	Nguyễn Thị Ánh Quỳnh	02/3/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Liên Nghĩa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa	Khá
565	TH568	Nguyễn Thị Quỳnh	21/8/2003	SP	93,3	93,3			Trường TH và THCS Nguyễn Hoà-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	X.sắc
566	TH569	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	16/8/1999	SP	54,2	54,2			Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Khá
567	TH570	Phạm Thị Hương Quỳnh	14/1/1997	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Khá
568	TH571	Trịnh Thị Ngọc Quỳnh	19/4/1988	Khac	75,8	75,8			Trường TH và THCS Phương Chiêu-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Hoàng Hành-TH-Ngngu	Giỏi
569	TH572	Vũ Thị Diễm Quỳnh	25/10/2001	SP	63,3	63,3			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Khá
570	TH573	Nguyễn Thị Sâm	20/02/1991	SP	44,2	44,2			Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Vhoa		Khá
571	TH574	Luyện Thị Sáng	14/09/1987	Khac	47,5	47,5			Trường TH và THCS Việt Cường-TH-THCN	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-THCN	Khá
572	TH575	Ngô Thị Sáp	27/8/2002	SP	49,2	49,2			Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Trung Trắc-TH-Vhoa	Giỏi
573	TH576	Phan Thị Sen	15/3/1988	SP	78,3	78,3			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Khá
574	TH577	Nguyễn Bình Sim	14/8/1984	Khac	30,8	30,8			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-THCN		Giỏi
575	TH578	Nguyễn Thị Sim	08/2/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
576	TH579	Nguyễn Thị Tâm	05/9/1999	SP	58,3	58,3			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
577	TH580	Bùi Thị Minh Tâm	18/11/2002	SP	72,5	72,5			Trường TH và THCS Phú Cường-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-Vhoa	Khá
578	TH581	Hà Thị Tâm	16/9/1992	SP	86,7	86,7			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Vhoa	Giỏi
579	TH582	Nguyễn Hoàng Nhâm Tâm	27/4/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Giỏi
580	TH583	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	01/12/2003	SP	50	50			Trường TH và THCS Trung Trắc-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Ngngu	Khá
581	TH584	Nguyễn Thị Tâm	04/10/1997	SP	45,8	45,8			Trường TH và THCS Hưng Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Vhoa	Khá
582	TH585	Nguyễn Thị Tâm	25/4/2002	SP	58,3	58,3			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	
583	TH586	Nguyễn Thị Thanh Tâm	28/10/1990	SP	58,3	58,3			Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-GDTC		X.sắc
584	TH587	Phạm Thị Tâm	15/07/1997	Khac	55	55			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu		Khá
585	TH588	Phạm Thị Thanh Tâm	20/9/1997	SP	42,5	42,5			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa		Khá
586	TH589	Dương Ngọc Tân	13/5/2000	SP	92,5	92,5			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Khá
587	TH590	Nguyễn Thị Tân	20/09/1989	SP	87,5	87,5			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa		Khá
588	TH591	Phùng Thị Thanh Tân	20/2/1992	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
589	TH592	Trần Thị Thanh Tân	28/11/1983	SP	83,3	78,3	5	Con bệnh binh 2/3	Trường Tiểu học an Viên-TH-THCN	Trường Tiểu học Lê Xá-TH-THCN	Giỏi
590	TH593	Bùi Thị Hồng Thắm	04/10/1982	Khac	59,2	59,2			Trường TH và THCS Quang Trung-TH-THCN		Khá
591	TH594	Ngô Thị Thắm	13/02/1989	Khac	52,5	52,5			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Ngngu		Khá
592	TH595	Trần Thị Hồng Thắm	04/08/1995	SP	77,5	77,5			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Khá
593	TH596	Phan Minh Thắng	27/4/1993	SP	58,3	53,3	5	Con bệnh binh	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-GDTC	Trường TH và THCS Cửu Cao-TH-GDTC	Giỏi
594	TH597	Cao Văn Thắng	4/5/1986	SP	41,7	41,7	5	Con thương binh hạng 1/4	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-GDTC	Khá
595	TH598	Đinh Nguyễn Đức Thắng	22/7/2000	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-GDTC	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-GDTC	Khá
596	TH599	Hoàng Phương Thanh	14/10/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Giỏi
597	TH600	Nguyễn Thị Thanh	06/10/2001	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Đa Trạch-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Giỏi
598	TH601	Nguyễn Thị Thanh	26/5/1990	SP	51,7	51,7			Trường TH và THCS Hùng An-TH-GDTC	Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-GDTC	Khá
599	TH602	Nguyễn Thị Văn Thanh	16/10/2003	SP	58,3	58,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Vhoa	Giỏi
600	TH603	Phạm Thị Huyền Thanh	25/11/1983	SP	56,7	51,7	5	Con thương binh	Trường TH và THCS Hùng Cường-TH-Ngngu		TB Khá
601	TH604	Tạ Thị Thanh	09/6/1995	SP	54,2	54,2			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Mthuat	Trường TH và THCS Chí Tân-TH-Mthuat	Khá
602	TH605	Đặng Thu Thảo	17/01/2001	SP	55	55			Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Ngngu	Giỏi
603	TH606	Đỗ Thị Phương Thảo	26/11/2003	SP	55	55			Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
604	TH607	Đỗ Thu Thảo	20/10/2001	Khac	51,7	51,7			Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngngu	Khá
605	TH608	Hà Phương Thảo	14/10/2003	SP	65	65			Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Vhoa	Khá
606	TH609	Lê Phương Thảo	28/02/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Dương Quang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Minh Đức-TH-Vhoa	Khá
607	TH610	Lê Phương Thảo	24/7/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
608	TH611	Lê Thị Bích Thảo	14/4/1988	Khac	70	70			Trường Tiểu học học Quảng Châu-TH-THCN	Trường Tiểu học Hoàng Lê-TH-THCN	TB Khá
609	TH612	Lê Thị Phương Thảo	11/9/2002	SP	58,3	58,3			Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Vhoa	Khá
610	TH613	Lưu Thị Thu Thảo	11/02/2001	SP	55,8	55,8			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Khá
611	TH614	Nguyễn Phương Thảo	14/07/1996	SP	54,2	54,2			Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-TH-Vhoa	Khá
612	TH615	Nguyễn Phương Thảo	18/11/2000	SP	41,7	41,7			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Khá
613	TH616	Nguyễn Thị Kim Thảo	24/10/1984	SP	81,7	76,7	5	Con thương binh	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Khá
614	TH617	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/8/1991	SP	68,3	68,3			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
615	TH618	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16/8/2002	SP	57,5	57,5			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
616	TH619	Nguyễn Thị Thảo	8/7/1993	SP	53,3	53,3			Trường TH và THCS Thuận Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Khá
617	TH620	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/7/2001	SP	57,5	57,5			Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Giỏi
618	TH621	Nguyễn Thị Thu Thảo	31/8/1993	SP	88,3	88,3			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
619	TH622	Phạm Phương Thảo	25/10/2001	SP	55,8	55,8			Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Vhoa	Giỏi
620	TH623	Phạm Thị Phương Thảo	08/04/2001	SP	55	55			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
621	TH624	Phan Thị Thu Thảo	11/08/2000	Khac	60	60			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngngu	Khá
622	TH625	Phùng Thị Thảo	20/6/1995	SP	68,3	68,3			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Giỏi
623	TH626	Quần Thị Phương Thảo	06/6/1997	Khac	65	65			Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Giỏi
624	TH627	Trần Phương Thảo	22/02/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
625	TH628	Trần Thị Phương Thảo	21/4/1996	SP	58,3	58,3			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Khá
626	TH629	Trần Thị Thảo	21/6/1984	SP	43,3	43,3			Trường TH và THCS Chi Tân-TH-Mthuat		Giỏi
627	TH630	Trương Thị Thảo	24/12/1998	SP	52,5	52,5			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
628	TH631	Vũ Thị Thanh Thảo	19/10/2000	SP	55,8	55,8			Trường Tiểu học Liên Phương-TH-THCN	Trường TH và THCS Hồng Nam-TH-THCN	Khá
629	TH632	Vương Thị Thảo	14/4/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
630	TH633	Trần Thị Thêu	19/02/1991	Khac	75	75			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Trường TH và THCS Hồng Châu-TH-THCN	Giỏi
631	TH634	Lê An Thi	05/8/2003	SP	66,7	66,7			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Khá
632	TH635	Đinh Thị Thoa	15/9/2001	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
633	TH636	Ngô Thị Thoa	03/5/1998	SP	68,3	68,3			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Khá
634	TH637	Nguyễn Thị Thoa	28/6/1993	Khac	43,3	43,3			Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Ngngu	Khá
635	TH638	Nguyễn Thị Thu Thoa	05/12/1999	Khac	61,7	61,7			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngngu	Giỏi
636	TH639	Phạm Thị Thoa	17/10/1988	SP	71,7	71,7			Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Việt Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
637	TH640	Tạ Thị Minh Thơm	24/6/1981	Khac	54,2	54,2			Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-THCN		Khá
638	TH641	Đặng Thị Thu	10/9/1987	Khac	42,5	42,5	5	Con bệnh binh 2/3 (61%)	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-THCN	Giỏi
639	TH642	Dương Thị Thu	18/3/1995	SP	65,8	65,8			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Giỏi
640	TH643	Nguyễn Thị Thu	22/6/1980	SP	45,8	45,8			Trường Tiểu học Thị trấn Lương Bằng-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Ngngu	TB Khá
641	TH644	Phạm Thị Thu	31/12/1993	SP	68,3	68,3			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
642	TH645	Tạ Thị Hằng Thu	20/9/2002	SP	60	60			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Khá
643	TH646	Trần Hương Thu	05/11/2003	SP	91,7	91,7			Trường TH và THCS Tân Phúc-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Văn Du-TH-Vhoa	Khá
644	TH647	Trịnh Minh Thu	14/02/1995	SP	64,2	64,2			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
645	TH648	Lê Ánh Thư	24/9/2002	SP	55,8	55,8			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-GDTC	Giỏi
646	TH649	Lê Nguyễn Minh Thư	26/11/2003	SP	55,8	55,8			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Giỏi
647	TH650	Vũ Ánh Thư	01/01/2003	SP	82,5	82,5			Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Hoà Phong-TH-Vhoa	Giỏi
648	TH651	Hoàng Thị Thương	13/01/2001	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Vhoa	Khá
649	TH652	Nguyễn Thị Hà Thương	15/11/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Khá
650	TH653	Nguyễn Thị Hoài Thương	15/3/2003	SP	46,7	46,7			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-THCN	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN	Khá
651	TH654	Nguyễn Thị Thương	14/04/1991	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nghĩa Dân-TH-Vhoa	Giỏi
652	TH655	Nguyễn Thị Thương	15/8/1992	Khac	50,8	50,8			Trường TH và THCS Trung Dũng-TH-Ngngu		TB Khá
653	TH656	Lê Thị Thuý	10/4/1992	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Vhoa	Giỏi
654	TH657	Nguyễn Thị Thuý	20/6/1995	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Giỏi
655	TH658	Nguyễn Thị Thuý	02/7/1992	Khac	51,7	51,7			Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-THCN	Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-THCN	Khá
656	TH659	Phan Thị Hồng Thuý	29/8/1980	SP	53,3	53,3			Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Phụng Công-TH-Ngngu	TB Khá
657	TH660	Nguyễn Thị Thuý	28/5/2000	Khac	77,5	77,5			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Khá
658	TH661	Bùi Thị Thu Thuý	06/12/1993	Khac	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Khá
659	TH663	Nguyễn Thị Thu Thuý	25/5/2003	SP	77,5	77,5			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
660	TH664	Bùi Thị Thanh Thuý	20/06/2002	SP	63,3	63,3			Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Vhoa		Khá
661	TH665	Chu Thị Hải Thuý	25/02/1996	SP	54,2	54,2			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa		Khá
662	TH666	Đỗ Thị Thuý	15/7/1995	SP	65	65			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Vhoa	Giỏi
663	TH667	Doãn Thị Thu Thuý	09/7/2003	SP	52,5	52,5			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Khá
664	TH668	Hoàng Thị Thuý	21/06/2002	SP	50	50			Trường TH và THCS Yên Hoà-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Giỏi
665	TH669	Nguyễn Thị Ngọc Thuý	05/12/1995	SP	57,5	57,5			Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngngu		Khá
666	TH670	Nguyễn Thị Thuý	05/7/1987	SP	61,7	61,7			Trường TH và THCS Hồng Quang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu-TH-Vhoa	Giỏi
667	TH671	Nguyễn Thị Thuý	28/02/1995	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Khá
668	TH672	Nguyễn Thị Thuý	12/8/2002	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-TH-Vhoa	Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
669	TH673	Trương Thị Thúy	01/01/1990	SP	75	75			Trường TH và THCS Quang Trung-TH-GDTC	Trường TH và THCS Phương Chiêu-TH-GDTC	Giỏi
670	TH674	Nguyễn Thị Minh Thùy	26/3/2003	SP	50	50			Trường Tiểu học Dị Chế-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Vhoa	Khá
671	TH675	Phạm Thị Thùy	15/5/1993	SP	40,8	40,8			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa		Giỏi
672	TH676	Đặng Thị Thủy	10/10/1992	SP	62,5	62,5			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa		Khá
673	TH677	Đào Thị Thu Thủy	13/11/2000	SP	23,3	23,3			Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Vhoa	Giỏi
674	TH678	Đinh Thị Bích Thủy	13/6/1989	SP	69,2	69,2			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Khá
675	TH679	Lê Thị Thủy	19/4/1983	SP	50,8	50,8			Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu	TB Khá
676	TH680	Lưu Thị Thủy	15/7/1989	SP	45,8	45,8			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Giỏi
677	TH681	Nguyễn Thị Thanh Thủy	01/4/1981	SP	38,3	38,3	5	Con thương binh 3/4	Trường Tiểu học Thị trấn Vương-TH-Vhoa		Khá
678	TH682	Nguyễn Thị Thủy	19/10/1988	SP	46,7	46,7			Trường TH và THCS Thuận Hưng-TH-THCN	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-THCN	Giỏi
679	TH683	Phạm Thanh Thủy	01/10/2001	SP	74,2	74,2			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
680	TH684	Phùng Thị Thủy	20/10/1997	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Khá
681	TH685	Vũ Thị Thanh Thuýn	07/10/1996	SP	73,3	73,3			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Khá
682	TH686	Nguyễn Văn Tiến	01/08/1982	SP	55	55			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
683	TH687	Đinh Thị Tinh	10/03/1993	Khac	40,8	40,8			Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Yên Phú-TH-Ngngu	Khá
684	TH688	Nguyễn Thị Tinh	13/12/1992	SP	57,5	57,5			Trường Tiểu học An Viên-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Ngô Quyền-TH-Vhoa	Giỏi
685	TH689	Trần Văn Tới	18/4/1988	Khac	50	50			Trường TH và THCS Bảo Khê-TH-THCN		Khá
686	TH690	Bùi Phương Trà	03/6/1998	SP	54,2	54,2			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thăng Lợi-TH-Vhoa	Khá
687	TH691	Nguyễn Thu Trà	06/10/1997	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Vhoa	Khá
688	TH692	Cao Thị Ngọc Trâm	13/11/1998	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Vhoa		Giỏi
689	TH693	Bùi Quỳnh Trang	21/11/2003	SP	49,2	49,2			Trường Tiểu học Trung Nghĩa-TH-THCN	Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-THCN	Khá
690	TH694	Bùi Thị Huyền Trang	03/12/1996	Khac	50	50			Trường TH và THCS Phương Chiêu-TH-GDTC		Giỏi
691	TH695	Chu Thị Thủy Trang	16/9/2001	SP	75,8	75,8			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Khá
692	TH696	Chu Thị Trang	24/5/1983	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
693	TH697	Đặng Thị Thủy Trang	05/12/2002	SP	63,3	63,3			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
694	TH698	Đinh Thị Hà Trang	22/09/2003	SP	46,7	46,7			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
695	TH699	Đỗ Ngọc Huyền Trang	23/01/2003	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Long Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
696	TH700	Đỗ Thị Thu Trang	04/12/2001	SP	65	65			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa		Giỏi
697	TH701	Đỗ Thị Trang	20/01/2001	SP	50	50			Trường TH và THCS Hàm Tử-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Giỏi
698	TH702	Đỗ Thị Trang	14/7/2001	SP	51,7	51,7			Trường TH và THCS Phùng Công-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Mễ Sở-TH-Ngngu	Khá
699	TH703	Dương Quỳnh Trang	21/9/2001	SP	46,7	46,7			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
700	TH704	Dương Thị Trang	25/08/1995	SP	65,8	65,8			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Vhoa	Khá
701	TH705	Hoàng Thị Thu Trang	09/3/2001	SP	55,8	55,8			Trường Tiểu học Đặng Lễ-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Quảng Lăng-TH-Vhoa	Giỏi
702	TH706	Khuất Thị Huyền Trang	19/03/1997	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
703	TH707	Kiều Huyền Trang	10/07/2003	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Khá
704	TH708	Lê Nguyễn Quỳnh Trang	24/9/2003	SP	45	45			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Trung Trắc-TH-Vhoa	Khá
705	TH709	Lê Thị Huệ Trang	7/11/1995	SP	65	65			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Ngngu	Giỏi
706	TH710	Lê Thị Huyền Trang	04/4/1996	Khac	55,8	55,8			Trường TH và THCS Nhật Quang-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu	Khá
707	TH711	Lê Thị Huyền Trang	18/5/2000	Khac	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Tân Tiến-TH-Ngngu	Khá
708	TH712	Lê Thị Thảo Trang	02/4/2002	SP	60	60			Trường TH và THCS Trung Trắc-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đình Dù-TH-Vhoa	Giỏi
709	TH713	Lê Thị Thu Trang	12/02/1986	Khac	46,7	46,7			Trường TH và THCS Mai Động-TH-THCN		Khá
710	TH714	Lê Thị Thủy Trang	15/10/2003	SP	89,2	89,2			Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Giỏi
711	TH715	Luyện Thị Huyền Trang	24/11/2002	SP	48,3	48,3			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
712	TH716	Nguyễn Huyền Trang	8/8/2003	SP	86,7	86,7			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
713	TH717	Nguyễn Quỳnh Trang	07/8/2003	SP	80	80			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Giỏi
714	TH718	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	23/12/2001	SP	91,7	91,7			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Vhoa	Giỏi
715	TH719	Nguyễn Thị Thùy Trang	31/12/2001	Khac	50	50			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Khá
716	TH720	Nguyễn Thị Trang	26/04/1995	SP	37,5	37,5			Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nhật Tân-TH-Vhoa	Khá
717	TH721	Nguyễn Thị Trang	07/10/1993	SP	57,5	57,5			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Nguyễn Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
718	TH722	Nguyễn Thu Trang	23/3/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Giỏi
719	TH723	Phạm Kiều Trang	14/3/1999	SP	43,3	43,3			Trường Tiểu học Quảng Châu-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đức Hợp-TH-Vhoa	Giỏi
720	TH724	Phạm Lê Minh Trang	25/12/1995	SP	74,2	74,2			Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Khá
721	TH725	Phạm Thị Trang	20/5/1990	SP	55,8	55,8			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Thiện Phiến-TH-Ngngu	Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
722	TH726	Phạm Thu Trang	27/5/1994	SP	55,8	55,8			Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Khá
723	TH727	Phạm Thu Trang	05/11/2001	Khac	50,8	50,8			Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Ngngu	Khá
724	TH728	Phạm Thủy Trang	29/1/1994	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
725	TH729	Phan Thanh Trang	20/01/2003	SP	47,5	47,5			Trường TH và THCS Ngọc Long-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Khá
726	TH730	Phan Thị Trang	15/6/1995	SP	51,7	51,7			Trường Tiểu học Trần Cao-TH-GDTC	Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-GDTC	Khá
727	TH731	Tào Thị Trang	04/10/1996	SP	66,7	66,7			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Vhoa	Giỏi
728	TH732	Trần Diệu Trang	05/6/2003	SP	69,2	69,2			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Giỏi
729	TH733	Trần Thị Kiều Trang	26/4/2000	Khac	77,5	77,5			Trường Tiểu học Tống Phan-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Ngngu	Khá
730	TH734	Trần Thị Thu Trang	19/10/2001	SP	84,2	84,2			Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Vũ Xá-TH-Vhoa	Giỏi
731	TH735	Trần Thị Thủy Trang	24/02/1996	SP	64,2	64,2			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Giỏi
732	TH736	Trần Thị Trang	25/5/1987	SP	25,8	25,8			Trường Tiểu học Tống Phan-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lê Xá-TH-Ngngu	Khá
733	TH737	Trần Thủy Trang	23/11/1997	Khac	75	75			Trường TH và THCS Phương Chiểu-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-TH-Ngngu	X.sắc
734	TH738	Vũ Thị Minh Trang	28/9/1990	SP	47,5	47,5			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tống Trần-TH-Vhoa	Giỏi
735	TH739	Vũ Thị Trang	29/9/1989	SP	74,2	74,2			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa		Giỏi
736	TH740	Vương Thị Thu Trang	03/5/1995	SP	Bỏ thi	Bỏ thi	5	Tây	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Phùng Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
737	TH741	Đỗ Phương Trinh	28/08/2001	Khac	59,2	59,2			Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Trung Hưng-TH-Ngngu	X.sắc
738	TH742	Trần Lê Như Trúc	28/8/2002	SP	53,3	53,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Giỏi
739	TH743	Nguyễn Thành Trung	04/4/1997	SP	51,7	51,7			Trường TH và THCS Xuân Quan-TH-GDTC		TB
740	TH744	Nguyễn Nhật Trường	29/6/1995	Khac	52,5	52,5			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	TB
741	TH745	Đôn Thị Tú	27/8/1994	SP	46,7	46,7			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Mỹ Sở-TH-Vhoa	Giỏi
742	TH746	Nguyễn Thị Hiền Tú	14/8/1996	SP	59,2	59,2			Trường TH và THCS Mỹ Sở-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Vhoa	Giỏi
743	TH747	Nguyễn Thị Thanh Tú	05/7/2001	SP	68,3	68,3			Trường Tiểu học Thị trấn Văn Giang-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thắng Lợi-TH-Vhoa	Khá
744	TH748	Lương Khai Tuệ	12/01/2003	SP	86,7	81,7	5	Tây	Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
745	TH749	Cao Thanh Tùng	02/06/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-GDTC	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-GDTC	Giỏi
746	TH750	Nguyễn Thị Tươi	19/01/1999	SP	70	70			Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Khá
747	TH751	Phạm Thị Tươi	08/6/1991	SP	50,8	50,8			Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa		Giỏi
748	TH752	Trần Thị Hồng Tươi	01/01/1991	SP	71,7	71,7			Trường Tiểu học Tống Trần-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Nguyễn Hoà-TH-Vhoa	X.sắc
749	TH753	Nguyễn Xuân Tường	19/8/1986	Khac	53,3	53,3			Trường Tiểu học Đoàn Đào-TH-THCN	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-THCN	TB Khá
750	TH754	Từ Thị Tuyền	20/11/1997	SP	50	50			Trường Tiểu học Bắc Sơn-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đào Dương-TH-Vhoa	Giỏi
751	TH755	Nguyễn Hoàng Tuyền	06/9/1984	Khac	55,8	55,8			Trường Tiểu học Như Quỳnh-TH-THCN	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-THCN	TB Khá
752	TH756	Hà Thị Tuyết	05/9/1989	Khac	55,8	55,8			Trường TH và THCS Tam Đa-TH-THCN		Khá
753	TH757	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	22/7/1999	SP	64,2	64,2			Trường Tiểu học Lê Xá-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Khá
754	TH758	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	15/4/2002	SP	48,3	48,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	Khá
755	TH759	Nguyễn Thị Tuyết	23/5/2002	SP	58,3	58,3			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa	Giỏi
756	TH760	Phùng Thị Tuyết	05/4/1989	SP	38,3	38,3			Trường TH và THCS Chi Đạo-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Giỏi
757	TH761	Lương Thị Thu Uyên	06/08/2000	SP	50,8	50,8			Trường TH và THCS Tân Việt-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Trung Hoà-TH-Vhoa	Giỏi
758	TH762	Nguyễn Thị Uyên	13/8/2000	Khac	55,8	55,8			Trường Tiểu học Minh Hải-TH-Ngngu		Khá
759	TH763	Nguyễn Thu Uyên	12/8/2000	SP	90,8	90,8			Trường Tiểu học Tống Trần-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Tam Đa-TH-Vhoa	Giỏi
760	TH764	Nguyễn Tô Uyên	05/10/2003	SP	85	85			Trường Tiểu học Đồng Than-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Khá
761	TH765	Trần Tô Uyên	12/5/2001	SP	38,3	38,3			Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Vhoa	Khá
762	TH766	Bùi Thị Hồng Vân	19/3/2002	SP	72,5	72,5			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	X.sắc
763	TH767	Đào Khánh Vân	25/8/2003	SP	80,8	80,8			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Hưng-TH-Vhoa	Giỏi
764	TH768	Đỗ Thị Vân	21/4/1983	SP	Bỏ thi	Bỏ thi	5	Con đẻ của người kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Minh Phương-TH-Ngngu	Khá
765	TH769	Trần Hải Vân	01/01/1994	SP	40	40			Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Khá
766	TH770	Vũ Thị Thủy Vân	30/7/1996	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Vhoa	X.sắc
767	TH771	Vũ Bích Việt	17/3/2003	SP	79,2	74,2	5	Con của người mất sức lao động được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh	Trường Tiểu học Việt Hưng-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Giỏi
768	TH772	Nguyễn Thị Vinh	15/02/1997	SP	65,8	65,8			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Khá
769	TH773	Phạm Thị Xuân Vui	18/3/2003	SP	50,8	50,8			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Châu-TH-Vhoa	Khá
770	TH774	Bùi Đăng Vương	16/3/1993	SP	50,8	50,8			Trường TH và THCS Phan Sào Nam-TH-GDTC	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-GDTC	Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sự phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
771	TH775	Nguyễn Nhật Vy	27/8/2003	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Tứ Dân-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Thành Công-TH-Vhoa	Giỏi
772	TH776	Nguyễn Thị Lan Vy	10/10/1994	SP	54,2	54,2			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Linh-TH-Vhoa	Khá
773	TH777	Nguyễn Thị Xuân	08/01/2001	Khac	66,7	66,7			Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Ngngu	Giỏi
774	TH778	Phùng Lệ Xuân	29/11/2003	SP	60,8	60,8			Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Mthuat	Trường Tiểu học Lạc Hồng-TH-Mthuat	Khá
775	TH779	Nguyễn Hữu Yên	26/12/1991	SP	64,2	59,2	5	Con thương binh thương tật 47%	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-GDTC	Trường Tiểu học Minh Hải-TH-GDTC	TB Khá
776	TH780	Trần Thị Yên	02/12/1999	SP	55,8	55,8			Trường TH và THCS Đồng Thanh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Toàn Thắng-TH-Vhoa	Khá
777	TH781	Bùi Thị Hải Yến	16/5/1994	SP	55	55			Trường Tiểu học Tân Quang-TH-Vhoa		Khá
778	TH782	Đặng Thị Hải Yến	16/01/1989	SP	58,3	58,3			Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-TH-Mthuat	Trường Tiểu học Nhân Hoà-TH-Mthuat	Khá
779	TH783	Đỗ Hải Yến	22/03/2002	SP	87,5	87,5			Trường Tiểu học Tân Lập-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Liêu Xá-TH-Vhoa	Khá
780	TH784	Doãn Thị Hải Yến	19/5/1997	Khac	60,8	60,8			Trường TH và THCS Hoàng Hanh-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Liên Phương-TH-Ngngu	Khá
781	TH785	Dư Thị Ngọc Yến	21/5/2001	Khac	53,3	53,3			Trường TH và THCS Xuân Dục-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Phùng Chí Kiên-TH-Ngngu	Khá
782	TH786	Giang Thị Yến	09/5/1988	SP	56,7	56,7			Trường Tiểu học Ngọc Thanh-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Xá-TH-Vhoa	Giỏi
783	TH787	Hoàng Thị Yến	10/8/1988	SP	58,3	58,3			Trường Tiểu học Đình Cao-TH-GDTC	Trường TH và THCS Minh Hoàng-TH-GDTC	Khá
784	TH788	Lê Hải Yến	06/12/1994	Khac	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Ngngu	Trường Tiểu học Lạc Đạo-TH-Ngngu	Khá
785	TH789	Lê Thị Hải Yến	22/8/2001	SP	54,2	54,2			Trường TH và THCS Ông Đình-TH-Vhoa		Giỏi
786	TH790	Nguyễn Hải Yến	18/9/2000	SP	49,2	49,2			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Cương Chính-TH-Vhoa	Khá
787	TH791	Nguyễn Thị Hải Yến	01/11/2001	SP	54,2	54,2			Trường TH và THCS Hàm Từ-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Đại Tập-TH-Vhoa	Giỏi
788	TH792	Nguyễn Thị Kim Yến	09/07/1990	Khac	55,8	55,8			Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Ngngu	Trường TH và THCS Thanh Long-TH-Ngngu	Khá
789	TH793	Nguyễn Thị Yến	26/02/1997	SP	70,8	70,8			Trường TH và THCS Tô Hiệu-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Vĩnh Khúc-TH-Vhoa	Giỏi
790	TH794	Nguyễn Thị Yến	28/11/1994	SP	82,5	82,5			Trường TH và THCS Lương Tài-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Đại Đồng-TH-Vhoa	Khá
791	TH795	Phạm Thị Yến	22/11/1993	SP	72,5	72,5			Trường TH và THCS Đồng Tiến-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Tân Dân-TH-Vhoa	Giỏi
792	TH796	Trần Thị Yến	20/11/1989	SP	45,8	45,8			Trường TH và THCS Đồng Tảo-TH-Vhoa	Trường TH và THCS Hoàn Long-TH-Vhoa	Giỏi
793	TH797	Trần Thị Yến	08/6/2001	SP	49,2	49,2			Trường Tiểu học Tống Trân-TH-Vhoa	Trường Tiểu học Minh Tiến-TH-Vhoa	Giỏi
794	TH798	Nguyễn Thị Tân	13/06/1990	SP	56,7	56,7			Trường TH và THCS Minh Châu-TH-Vhoa		Khá